



Số: 2426 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh
cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Khánh Hòa năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 13241/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc xây dựng và triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và cấp huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Khánh Hòa;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3937/TTr-SKHĐT ngày 11/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Khánh Hòa năm 2024, gồm 08 chỉ số thành phần chính như sau:

- Tính minh bạch và tiếp cận thông tin.
- Tính năng động và tiên phong của chính quyền.
- Chi phí thời gian.
- Chi phí không chính thức.
- Cạnh tranh bình đẳng.
- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

(7) Thiết chế pháp lý.

(8) Vai trò của người đứng đầu.

Các tiêu chí đánh giá của từng chỉ số thành phần được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này. Các chỉ số thành phần sẽ được xem xét điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế hàng năm.

Điều 2. Đối tượng được đánh giá:

Khỏi các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh (06 đơn vị): Công an tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Quản lý thị trường tỉnh.

Khỏi các cơ quan sở, ban, ngành thuộc tỉnh (18 đơn vị): Sở Tư pháp, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông vận tải, Sở Du lịch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong, Thanh tra tỉnh.

Khỏi các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là địa phương) (có 08 đơn vị): UBND thành phố Nha Trang, UBND thành phố Cam Ranh, UBND thị xã Ninh Hòa, UBND huyện Diên Khánh, UBND huyện Cam Lâm, UBND huyện Vạn Ninh, UBND huyện Khánh Vĩnh, UBND huyện Khánh Sơn.

Điều 3. Thời gian thực hiện:

Trước ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp của năm đánh giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả chỉ số DDCI.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

- Xây dựng kế hoạch khảo sát, đánh giá chỉ số DDCI và dự toán kinh phí thực hiện hằng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập Tổ thẩm định kết quả khảo sát, đánh giá chỉ số DDCI do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư làm Tổ trưởng; các thành viên khác là công chức một số cơ quan có thành viên trong Ban Chỉ đạo Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Khánh Hòa. Nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế hoạt động của Tổ thẩm định và trách nhiệm của các cơ quan liên quan được quy định tại Quyết định thành lập và Quy chế hoạt động do UBND tỉnh ban hành.

- Tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện công tác điều tra, khảo sát phục vụ việc đánh giá chỉ số DDCI đảm bảo theo các quy định hiện hành; làm đầu mối phối hợp, hỗ trợ, cung cấp thông tin cần thiết để đơn vị khảo sát hoàn thành tốt công việc được giao.

- Tiếp nhận kết quả khảo sát các sở, ban, ngành, địa phương và dữ liệu có liên quan từ đơn vị khảo sát; Chủ trì thẩm định, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả và tham mưu tổ chức công bố kết quả chỉ số DDCI theo quy định.

- Nghiên cứu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Bộ chỉ số DDCI đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế hàng năm và giai đoạn.

2. Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

- Phối hợp đề xuất, cung cấp danh sách đối tượng được khảo sát thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

- Phân công cán bộ đầu mối phối hợp với đơn vị khảo sát và các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai, đánh giá chỉ số DDCI.

3. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các hội, hiệp hội, câu lạc bộ doanh nghiệp và Liên minh Hợp tác xã: Phối hợp với đơn vị khảo sát trong việc khảo sát, lấy ý kiến các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Phối hợp truyền thông về việc triển khai khảo sát, đánh giá chỉ số DDCI; kịp thời đưa tin trong quá trình khảo sát, lấy ý kiến của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Điều 5. Quyết định này thay thế Quyết định số 3257/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong, cơ quan ngành dọc của Trung ương trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6 (VBĐT);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- ĐUK các cơ quan tỉnh, Doanh nghiệp;
- TT Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- Trung tâm Công báo tỉnh (VBĐT);
- Trung tâm PVHCC tỉnh (VBĐT);
- Cổng TTĐT tỉnh, Cổng TT CCHC tỉnh (VBĐT);
- Đài PT-TH, Báo Khánh Hòa (VBĐT);
- Phòng KT;
- Lưu: VT, LH, PT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hữu Hoàng

PHỤ LỤC
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN,
NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG (DDCI) TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2426/QĐ-UBND ngày 17/11/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

I. TÍNH CẤP THIẾT CỦA VIỆC XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ DDCI

Hàng năm, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tiến hành khảo sát và công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) – Chỉ số đo lường và xếp hạng chất lượng điều hành kinh tế của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về môi trường đầu tư, kinh doanh để thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân thông qua cảm nhận của các doanh nghiệp tại địa phương.

Theo báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023, tỉnh Khánh Hòa đạt 66,52 điểm xếp thứ 34/63 tỉnh, thành phố, giảm 18 bậc so với năm 2022 (16/63) và không nằm trong top 30 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất trong PCI 2023. So với các tỉnh thuộc khu vực Duyên hải miền Trung, tỉnh Khánh Hòa xếp thứ 6/12 tỉnh, thành phố.

Chỉ số PCI chỉ phản ánh một bức tranh chung trong công tác điều hành kinh tế của chính quyền cấp tỉnh. Trong khi đó, các nỗ lực của chính quyền cấp tỉnh sẽ không đạt được kỳ vọng nếu việc triển khai các chính sách, quy định ở cấp sở, ban, ngành hoặc tại địa phương thuộc tỉnh không được triển khai, thực hiện một cách đồng bộ, có hiệu quả. Do đó, việc xây dựng và triển khai Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương – Department & District Competitiveness Index (DDCI) trên địa bàn tỉnh được kỳ vọng sẽ là một trong những giải pháp thiết thực, hiệu quả để tạo sự cạnh tranh, thi đua về chất lượng điều hành kinh tế giữa các sở, ban, ngành và địa phương trong tỉnh. Từ đó, tạo động lực cải cách đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực. Việc nâng cao Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) sẽ gián tiếp góp phần nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ DDCI

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024;

- Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Chương trình hành động nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 13241/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc xây dựng và triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và cấp huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Khánh Hòa.

2. Cơ sở thực tiễn tại địa phương

Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Khánh Hòa năm 2024, được xây dựng và phát triển trên cơ sở nghiên cứu từ các nguồn:

- Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh – PCI (Provincial Competitiveness Index) của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI (Vietnam Chamber of Commerce and Industry) phối hợp với Cơ quan Phát triển Quốc tế của Hoa Kỳ – USAID (United States Agency for International Development).

- Bộ chỉ số DDCI của tỉnh Đồng Tháp.

- Bộ chỉ số DDCI của tỉnh Bình Định.

- Bộ chỉ số DDCI của tỉnh Ninh Bình.

- Bộ chỉ số DDCI của thành phố Hồ Chí Minh.

- Kết quả PCI của tỉnh Khánh Hòa trong các năm qua (Trong đó, đánh giá thực tiễn công tác giải quyết thủ tục hành chính và cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh; phân tích cụ thể những lĩnh vực liên quan đến các chỉ số thành phần có điểm số chưa được tốt, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm cải thiện và mang lại kết quả tốt hơn).

3. Mục tiêu triển khai DDCI

3.1. Mục tiêu chung

- Việc triển khai Bộ chỉ số DDCI nhằm mục đích đánh giá năng lực của các sở, ban, ngành và địa phương thuộc tỉnh trên khía cạnh điều hành kinh tế; từ đó tạo động lực cải thiện chất lượng giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tạo môi trường thuận lợi nhất cho nhà đầu tư, các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả đạt được từ chỉ số DDCI sẽ là cơ sở để đề ra các giải pháp mang tính hiệu quả và đồng bộ nhằm cải thiện chất lượng điều hành kinh tế của toàn tỉnh, giúp tỉnh Khánh Hòa bứt phá trong cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư trong những năm tiếp theo.

3.2. Các mục tiêu cụ thể

- Xây dựng hình ảnh thân thiện và cầu thị của các sở, ban, ngành và địa phương đối với cộng đồng kinh doanh.

- Cung cấp cho lãnh đạo tỉnh một công cụ hiệu quả để giám sát và chỉ đạo cải thiện chất lượng điều hành đối với các sở, ban, ngành và địa phương.

- Đánh giá khách quan năng lực điều hành của lãnh đạo các sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến nhà đầu tư, doanh nghiệp. Từ đó có sự so sánh, đánh giá chất lượng phục vụ của các đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính và triển khai các hoạt động liên quan đến cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Tạo sự cạnh tranh, thi đua về chất lượng điều hành giữa các sở, ban, ngành và địa phương. Từ đó, tạo động lực cải cách mạnh mẽ, quyết liệt và đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực.

- Tạo kênh thông tin tin cậy, cởi mở, rộng rãi để doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến nâng cao năng lực điều hành của các sở, ban, ngành và địa phương; nâng cao chất lượng quản lý, điều hành của các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

4. Đối tượng được khảo sát, đánh giá

4.1. Đối tượng được khảo sát

Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đang hoạt động, sản xuất kinh doanh, triển khai đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

4.2. Đối tượng được đánh giá

Việc khảo sát, đánh giá sẽ được tiến hành đối với các sở, ban, ngành và địa phương trên cơ sở nghiên cứu chức năng, nhiệm vụ có liên quan đến việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Khối các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh (6 đơn vị): Công an tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Quản lý thị trường tỉnh.

Khối các cơ quan Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh (18 đơn vị): Sở Tư pháp, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông vận tải, Sở Du lịch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong, Thanh tra tỉnh.

Khối các Địa phương (8 đơn vị): UBND thành phố Nha Trang, UBND thành phố Cam Ranh, UBND thị xã Ninh Hòa, UBND huyện Diên Khánh, UBND huyện Cam Lâm, UBND huyện Vạn Ninh, UBND huyện Khánh Vĩnh, UBND huyện Khánh Sơn.

III. Nội dung chi tiết Bộ chỉ số DDCI

1. Tổng quan về việc xây dựng và triển khai Bộ chỉ số DDCI

Chỉ số DDCI là bộ chỉ số tổng hợp sử dụng để đánh giá các khía cạnh khác nhau về năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường kinh doanh. DDCI là chỉ số tổng hợp vì được cấu thành nên bởi các chỉ số thành phần, kết quả từng chỉ số thành phần là căn cứ tính toán điểm số DDCI. Bộ công cụ chỉ số DDCI gồm những thành phần sau:

- Hệ thống các chỉ số thành phần và tiêu chí đánh giá: Việc lựa chọn chỉ số thành phần, các tiêu chí để đánh giá từng chỉ số thành phần được lựa chọn dựa trên góc nhìn của doanh nghiệp về chất lượng điều hành, mà không phụ thuộc vào quy trình nội bộ bên trong, điều ấy có nghĩa là, quá trình điều hành của các cơ quan Nhà nước không chỉ đúng quy trình mà cần hướng tới tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, người kinh doanh để họ hài lòng.

- Phương pháp tính điểm và xếp hạng: Tính điểm cho mỗi chỉ tiêu, từ đó tổng hợp cho từng chỉ số thành phần. Trên cơ sở điểm của các chỉ số thành phần gán quyền số phù hợp để xây dựng điểm số tổng hợp. Sau khi có điểm số tổng hợp sẽ tiến hành xếp hạng theo điểm từ cao đến thấp. Phương pháp tính điểm và xếp hạng DDCI là nội dung quan trọng trong bộ công cụ chỉ số.

- Phiếu khảo sát DDCI dự kiến: Phiếu được xây dựng trên cơ sở hệ thống các chỉ số thành phần và tiêu chí đánh giá đã lựa chọn.

2. Các chỉ số thành phần của Bộ chỉ số DDCI

Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Khánh Hòa năm 2024 gồm 08 chỉ số thành phần chính như sau:

(1) *Tính minh bạch và tiếp cận thông tin*: đề cập tới khả năng các đối tượng kinh doanh có thể tìm hiểu, tiếp cận đến những kế hoạch và văn bản pháp lý mang tính chất công khai của sở, ban, ngành và địa phương mà cần thiết cho hoạt động kinh doanh của mình. Sự sẵn có của các loại tài liệu, mức độ tiện dụng của việc tìm kiếm và sự dễ dàng trong tiếp cận thông tin là những yêu cầu cần thiết để đảm bảo cho tính minh bạch.

(2) *Tính năng động và tiên phong của chính quyền* có thể nhìn nhận dựa trên nhiều khía cạnh khác nhau. Lãnh đạo sở, ban, ngành và địa phương là người có thể đưa ra hoặc tập hợp các sáng kiến về phát triển kinh tế thuộc lĩnh vực, địa phương mình phụ trách thông qua các chương trình, dự án cụ thể. Lãnh đạo cũng có thể vận dụng linh hoạt các chính sách, quy định của Nhà nước, của tỉnh trong phạm vi cho phép để tạo điều kiện dễ dàng hơn cho các đối tượng kinh doanh. Mức độ thành công của người lãnh đạo trong thực hiện có thể được đánh giá bởi dư luận và bản thân các doanh nghiệp. Việc lãnh đạo có năng động và tiên phong hay không cũng có thể được doanh nghiệp nhận xét trên khía cạnh mức độ gần gũi và kết quả giải quyết kiến nghị hoặc các vấn đề bức xúc tại địa phương.

(3) *Chi phí thời gian*: Đo lường thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính cũng như mức độ thường xuyên và thời gian doanh nghiệp phải tạm ngừng kinh doanh để các cơ quan Nhà nước của địa phương thực hiện việc thanh tra, kiểm tra. Đây được xem là một chỉ số quan trọng để đánh giá công tác cải cách thủ tục hành chính, nếu đối tượng đánh giá chỉ số này tốt chứng tỏ nỗ lực cải cách của tỉnh đi vào thực chất.

(4) *Chi phí không chính thức*: những khoản chi ngoài quy định mà các đối tượng phải đưa cho các cán bộ Nhà nước để có thể thực hiện các công việc của họ một cách dễ dàng hơn. Biếu tiền, tặng quà, mời tiệc chiêu đãi, lại quả hợp đồng, bồi dưỡng cho cán bộ... là những hình thức khác nhau của chi phí không chính thức. Do vậy, chỉ số chi phí không chính thức là công cụ để đo lường các khoản chi phí không chính thức mà các tổ chức kinh doanh phải trả và các trở ngại do những chi phí không chính thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của họ, việc trả những khoản chi phí không chính thức có đem lại kết quả hay “dịch vụ” như mong đợi và liệu các cán bộ Nhà nước có sử dụng các quy định của địa phương để trục lợi hay không.

(5) *Cạnh tranh bình đẳng*: đánh giá về việc đối xử công bằng của các sở, ban, ngành và địa phương đối với các đối tượng kinh doanh, bao gồm cư xử công bằng giữa các doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nước ngoài hay doanh nghiệp thân hữu trên địa bàn tỉnh.

(6) *Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp*: là một trong số các chỉ số thành phần dự kiến được đưa vào bộ công cụ đánh giá chỉ số DDCI Khánh Hòa. Các hoạt động hỗ trợ cho các đối tượng có thể dưới nhiều hình thức khác nhau: hỗ trợ thực hiện thủ tục liên quan đến đầu tư, kinh doanh; thực thi các chính sách, chương trình hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh và Trung ương, các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp... Để so sánh công tác hỗ trợ doanh nghiệp giữa các sở, ban, ngành và địa phương, nhóm nghiên cứu đã đưa ra một số khía cạnh cần làm rõ để làm căn cứ lựa chọn các tiêu chí đánh giá.

(7) *Thiết chế pháp lý*: đo lường lòng tin của doanh nghiệp tư nhân đối với hệ thống tòa án, tư pháp của tỉnh, liệu các thiết chế pháp lý này có được doanh nghiệp xem là công cụ hiệu quả để giải quyết tranh chấp hoặc là nơi doanh nghiệp có thể khiếu nại các hành vi vi phạm của cán bộ công quyền tại địa phương.

(8) *Vai trò của người đứng đầu*: Đánh giá vai trò người đứng đầu trong cải cách văn hóa ứng xử, cải cách hành chính, mức độ doanh nghiệp ủng hộ người đứng đầu; lãnh đạo các đơn vị được khảo sát có ảnh hưởng quyết định đến công tác cải cách thủ tục hành chính; lãnh đạo các đơn vị trực tiếp điều hành các buổi tham vấn doanh nghiệp; các kết luận, cam kết của lãnh đạo được thực hiện triệt để; đề cao tính năng động, sáng tạo của lãnh đạo.

3. Phương pháp tính điểm

Tính điểm chỉ số thành phần: Tính điểm của mỗi thông số, từ đó tính ra điểm Chỉ số thành phần.

- *Tính điểm các thông số:* Mỗi chỉ số thành phần có nhiều thông số khác nhau, các thông số này lại có những đơn vị không giống nhau (có thể là %, số ngày, số lần hay không có đơn vị) nên cần phải quy chuẩn điểm số về một đơn vị đo lường chung (quy về điểm 10). Mỗi chỉ tiêu theo mức trả lời của doanh nghiệp tương ứng: Thực tiễn tốt nhất 10 điểm; thực tiễn xấu nhất: 0 điểm.

- *Tính điểm chỉ số thành phần:* Sau khi tính được điểm của mỗi thông số, tính điểm Chỉ số thành phần bằng *công thức bình quân giản đơn*. Việc tính điểm này sẽ được thiết kế để tính toán tự động.

- *Tính điểm chỉ số DDCI cuối cùng:* Sau khi tính được điểm của từng chỉ số thành phần, điểm chỉ số DDCI cuối cùng sẽ bằng tổng của tất cả các chỉ số thành phần cộng lại.

Quyền số và tính toán chỉ số DDCI tổng hợp	Trọng số
Sub 1: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	10%
Sub 2: Tính năng động và tiên phong của chính quyền	15%
Sub 3: Chi phí thời gian	5%
Sub 4: Chi phí không chính thức	15%
Sub 5: Cạnh tranh bình đẳng	15%
Sub 6: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	15%
Sub 7: Thiết chế pháp lý	15%
Sub 8: Vai trò của người đứng đầu	10%
Điểm tổng hợp	100 %

4. Nội dung các tiêu chí đánh giá của từng chỉ số thành phần:

Chỉ số thành phần	Tiêu chí
1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin: đề cập tới khả năng các đối tượng kinh doanh có thể tìm hiểu, tiếp cận đến những kế hoạch và văn bản pháp lý mang tính chất công khai của sở, ban, ngành và địa phương mà cần thiết cho hoạt động kinh doanh của mình. Sự sẵn có của các loại tài liệu, mức độ tiện dụng của việc tìm kiếm và sự dễ dàng trong tiếp cận thông tin là những yêu	A1. Ứng dụng công nghệ thông tin: - Doanh nghiệp đã từng truy cập vào Trang/Cổng thông tin điện tử (Website) của sở, ban, ngành và địa phương. - Dễ dàng thực hiện dịch vụ công và trao đổi, xử lý các vướng mắc về dịch vụ công trực tuyến. - Sở, ban, ngành và địa phương tích

cầu cần thiết để đảm bảo cho tính minh bạch. (sub 1 = (A1+ A2+ A3)/3)	cực tuyên truyền, hướng dẫn về lợi ích của dịch vụ công trực tuyến do sở, ban, ngành và địa phương cung cấp. - Không có mối quan hệ để được thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng của sở, ban, ngành và địa phương. A2. Mức độ dễ dàng tiếp cận và tính minh bạch: - Phí và lệ phí được niêm yết công khai. - Thủ tục hành chính được niêm yết công khai là hữu ích. - Mức độ dễ dàng tiếp cận và khả năng tiếp thu trong việc công khai lấy ý kiến doanh nghiệp về văn bản pháp luật liên quan đến doanh nghiệp. A3. Tính minh bạch trong hoạt động điều hành: - Mức độ dễ dàng tiếp cận và khả năng tiếp thu trong việc công khai lấy ý kiến doanh nghiệp về văn bản pháp luật liên quan đến doanh nghiệp. - Mức độ dễ dàng tiếp cận và khả năng tiếp thu trong việc công khai lấy ý kiến doanh nghiệp về văn bản pháp luật liên quan đến doanh nghiệp.
2. Tính năng động và tiên phong của chính quyền: có thể nhìn nhận dựa trên nhiều khía cạnh khác nhau. Lãnh đạo sở, ban, ngành và địa phương là người có thể đưa ra hoặc tập hợp các sáng kiến về phát triển kinh tế thuộc lĩnh vực, địa phương mình phụ trách thông qua các chương trình, dự án cụ thể. Lãnh đạo	B1. Tính năng động, sáng tạo của các cơ quan sở, ban, ngành và địa phương: - Khả năng nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn của sở, ban, ngành và địa phương. - Sở, ban, ngành và địa phương chủ

cũng có thể vận dụng linh hoạt các chính sách, quy định của Nhà nước, của tỉnh trong phạm vi cho phép để tạo điều kiện dễ dàng hơn cho các đối tượng kinh doanh. Mức độ thành công của người lãnh đạo trong thực hiện có thể được đánh giá bởi dư luận và bản thân các doanh nghiệp. Việc lãnh đạo có năng động và tiên phong hay không cũng có thể được doanh nghiệp nhận xét trên khía cạnh mức độ gần gũi và kết quả giải quyết kiến nghị hoặc các vấn đề bức xúc tại địa phương. (sub 2 = (B1+ B2)/2)	động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất hoặc giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp. - Lãnh đạo các sở, ban, ngành và địa phương linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân. B2.Hiệu quả hoạt động điều hành: - Các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh. - Các Phòng ban thực hiện đúng chỉ đạo của Thủ trưởng sở, ban, ngành và địa phương.
3. Chi phí thời gian: Đo lường thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính cũng như mức độ thường xuyên và thời gian doanh nghiệp phải tạm ngừng kinh doanh để các cơ quan Nhà nước của địa phương thực hiện việc thanh tra, kiểm tra. Đây được xem là một chỉ số quan trọng để đánh giá công tác cải cách thủ tục hành chính, nếu đối tượng đánh giá chỉ số này tốt chứng tỏ nỗ lực cải cách của tỉnh đi vào thực chất (sub 3 = (C1+ C2)/2)	C1.Thời gian và cán bộ giải quyết thủ tục hành chính: - Doanh nghiệp đã từng thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến chưa. - Quy trình và thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành và địa phương dễ thực hiện. - Quy trình và thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành và địa phương dễ thực hiện. - Cán bộ tại sở, ban, ngành và địa phương thực hiện giải quyết thủ tục hành chính hoặc các công việc liên quan tới doanh nghiệp ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực. - Sở, ban, ngành và địa phương chỉ yêu cầu bổ sung hồ sơ một lần để hoàn thiện. C2. Hoạt động thanh kiểm tra và ảnh hưởng đến doanh nghiệp: - Số lần doanh nghiệp bị thanh tra, kiểm tra của sở, ban, ngành và địa phương trong năm qua.

	- Doanh nghiệp không phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục hành chính hoặc các công việc có liên quan tới sở, ban, ngành và địa phương.
4. Chi phí không chính thức: thức là những khoản chi ngoài quy định mà các đối tượng phải đưa cho các cán bộ Nhà nước để có thể thực hiện các công việc của họ một cách dễ dàng hơn. Biểu tiền, tặng quà, mời tiệc chiêu đãi, lại quả hợp đồng, bồi dưỡng cho cán bộ... là những hình thức khác nhau của chi phí không chính thức. Do vậy, chỉ số chi phí không chính thức là công cụ để đo lường các khoản chi phí không chính thức mà các tổ chức kinh doanh phải trả và các trở ngại do những chi phí không chính thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của họ, việc trả những khoản chi phí không chính thức có đem lại kết quả hay “dịch vụ” như mong đợi và liệu các cán bộ Nhà nước có sử dụng các quy định của địa phương để trục lợi hay không. (sub 4 = (D1+ D2+D3+D4+D5)/5)	D1. Doanh nghiệp không phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục hành chính hoặc các công việc có liên quan tới sở, ban, ngành và địa phương.
	D2. Hiện tượng nhũng nhiễu là không phổ biến khi giải quyết thủ tục hành chính hoặc các công việc liên quan tại các sở, ban, ngành và địa phương.
	D3. Doanh nghiệp không phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ tại sở, ban, ngành và địa phương tham gia giải quyết thủ tục hành chính hoặc các công việc có liên quan.
	D4. Doanh nghiệp không phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành và địa phương.
5. Cạnh tranh bình đẳng: đánh giá về việc đối xử công bằng của các sở, ban, ngành và địa phương đối với các đối tượng kinh doanh, bao gồm cư xử công bằng giữa các doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nước ngoài hay doanh nghiệp thân hữu trên địa bàn tỉnh (sub 5 = (E1+ E2+E3+E4+E5)/5)	D5. Chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được.
	E1. Mức độ ảnh hưởng tới sự bình đẳng của doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp thân hữu liên quan tới sở, ban, ngành và địa phương.
	E2. Không có sự ưu ái cho doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp thân hữu trong việc tiếp cận các nguồn lực nhà nước (bao gồm: các hợp đồng từ cơ quan nhà nước, các

	chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước.
	E3. Không có sự ưu ái cho các doanh nghiệp thân hữu và doanh nghiệp lớn trong việc tiếp cận thông tin (quy hoạch, các dự án đầu tư công....).
	E4. Không có sự ưu ái cho các doanh nghiệp thân hữu và doanh nghiệp lớn về giải quyết thủ tục hành chính.
	E5. Sự ưu ái cho các doanh nghiệp thân hữu và doanh nghiệp lớn không gây khó khăn cho doanh nghiệp.
6. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp: là một trong số các chỉ số thành phần dự kiến được đưa vào bộ công cụ đánh giá chỉ số DDCI Khánh Hòa. Các hoạt động hỗ trợ cho các đối tượng có thể dưới nhiều hình thức khác nhau: hỗ trợ thực hiện thủ tục liên quan đến đầu tư, kinh doanh; thực thi các chính sách, chương trình hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh và Trung ương, các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp... Đề so sánh công tác hỗ trợ doanh nghiệp giữa các sở, ban ngành và địa phương, nhóm nghiên cứu đã đưa ra một số khía cạnh cần làm rõ để làm căn cứ lựa chọn các tiêu chí đánh giá. (sub 6 = (F1+ F2+F3+F4)/4)	F1. Doanh nghiệp vui lòng đánh giá mức độ công khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
	F2. Doanh nghiệp vui lòng đánh giá mức độ dễ dàng tiếp cận các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
	F3. Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của sở, ban, ngành và địa phương là thiết thực.
	F4. Doanh nghiệp đã tham gia các cuộc đối thoại, trao đổi với doanh nghiệp do sở, ban, ngành và địa phương tổ chức trong thời gian 2 năm trở lại đây.
7. Thiết chế pháp lý: đo lường lòng tin của doanh nghiệp tư nhân đối với hệ thống tòa án, tư pháp của tỉnh, liệu các thiết chế pháp lý này có được doanh nghiệp xem là công cụ hiệu quả để giải quyết tranh chấp hoặc là nơi doanh nghiệp có thể khiếu nại các hành vi những vi phạm của cán bộ công quyền tại	G1. Sở, ban, ngành và địa phương thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy định, quy trình.
	G2. Sở, ban, ngành và địa phương tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp để thực hiện đúng các quy định của văn bản pháp luật.

sở, ban, ngành và địa phương. (sub 7 = (G1+G2+G3+G4+G5+G6+G7+G8)/8)	G3. Sở, ban, ngành và địa phương có thực hiện các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng doanh nghiệp. G4. Không có trường hợp cán bộ sở, ban, ngành và địa phương làm trái quy định hoặc gây khó khăn khi giải quyết thủ tục hành chính hoặc các công việc liên quan tới doanh nghiệp. G5. Cán bộ, nhân viên thuộc sở, ban, ngành và địa phương làm trái quy định hoặc gây khó khăn khi giải quyết thủ tục hành chính hoặc các công việc liên quan tới doanh nghiệp, Doanh nghiệp có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền. G6. Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại luôn được giải quyết thỏa đáng. G7. Không cần phản ánh, kiến nghị, khiếu nại vượt cấp để quyết được vấn đề. G8. Khi giải quyết tranh chấp giữa Doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước thì các cơ quan thực hiện giải quyết tranh chấp trên tinh thần cầu thị.
8. Vai trò người đứng đầu: Đánh giá vai trò người đứng đầu trong cải cách văn hóa ứng xử, cải cách hành chính, mức độ doanh nghiệp ủng hộ người đứng đầu; lãnh đạo các đơn vị được khảo sát có ảnh hưởng quyết định đến công tác cải cách thủ tục hành chính; lãnh đạo các đơn vị trực tiếp điều hành các buổi tham vấn doanh nghiệp; các kết luận, cam kết của lãnh đạo được thực hiện triệt để; đề cao tính năng động,	H1. Người đứng đầu sở, ban, ngành và địa phương có ảnh hưởng quyết định đến công tác cải cách thủ tục hành chính. H2. Người đứng đầu sở, ban, ngành và địa phương đề cao sự sáng tạo, đổi mới. H3. Các kết luận, cam kết của Người đứng đầu sở, ban, ngành và địa phương được thực hiện triệt để.

sáng tạo của lãnh đạo (sub 8 = (H1+H2+H3+H4+H5+H6+H7)/7)	H4. Người đứng đầu sở, ban, ngành và địa phương chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính khi thi hành công vụ.
	H5. Người đứng đầu sở, ban, ngành và địa phương lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp.
	H6. Người đứng đầu sở, ban, ngành và địa phương quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức, viên chức.
	H7. Người đứng đầu sở, ban, ngành và địa phương công khai xử lý vi phạm của cán bộ cấp dưới do doanh nghiệp phản ánh.

5. Tổng hợp dữ liệu cuối cùng và báo cáo phân tích:

Bước cuối cùng là tổng hợp điểm số của các sở, ban, ngành và địa phương theo thứ tự điểm số DDCI từ cao đến thấp và phân loại nhóm các đơn vị. Kết quả phân loại được đánh giá như sau:

- Sở, ban, ngành và địa phương được xếp hạng TỐT khi đạt từ 85 điểm đến 100 điểm.
- Sở, ban, ngành và địa phương được xếp hạng KHÁ khi đạt từ 75 điểm đến dưới 85 điểm.
- Sở, ban, ngành và địa phương được xếp hạng TRUNG BÌNH khi đạt từ 60 điểm đến dưới 75 điểm.
- Sở, ban, ngành và địa phương được xếp hạng YẾU khi đạt dưới 60 điểm.

Dữ liệu tổng hợp kết quả của từng chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá sẽ được trình bày cụ thể để làm tư liệu cho các sở, ban, ngành và địa phương tham khảo và có hướng cải thiện. Trên cơ sở dữ liệu tổng hợp, đơn vị khảo sát sẽ tổng hợp kết quả khảo sát; cơ quan chủ trì tổ chức họp Tổ thẩm định để thẩm định kết quả khảo sát trước khi tham mưu xây dựng kết quả Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương, trình UBND tỉnh công bố, đồng thời, kiến nghị những giải pháp cần triển khai để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Khánh Hòa trong những năm tiếp theo./.